

**CÔNG TY TNHH XUÂN TOÀN MỸ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUÂN TOÀN MỸ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400813028

**3. Ngày thành lập:** 12/04/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Cụm công nghiệp Toàn Mỹ, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 01686 027 666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                    | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                   | 4290     |
| 2.  | Chăn nuôi lợn                                                | 0145     |
| 3.  | Chăn nuôi gia cầm                                            | 0146     |
| 4.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                | 0150     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                 | 0161     |
| 6.  | Xay xát và sản xuất bột thô                                  | 1061     |
| 7.  | Thu gom rác thải không độc hại                               | 3811     |
| 8.  | Xây dựng nhà các loại                                        | 4100     |
| 9.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                          | 4390     |
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                               | 4933     |
| 11. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                  | 5210     |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ                                       | 7710     |
| 13. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác          | 7730     |
| 14. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                  | 0162     |
| 15. | Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại                     | 3821     |
| 16. | Xây dựng công trình công ích                                 | 4220     |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                            | 4312     |
| 18. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                | 1080     |
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                    | 4210     |
| 20. | Bốc xếp hàng hóa<br>( trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không ) | 5224     |
| 21. | Chăn nuôi dê, cừu                                            | 0144     |
| 22. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                        | 1075     |
| 23. | Thoát nước và xử lý nước thải                                | 3700     |

|     |                                                                                         |                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 24. | Chăn nuôi trâu, bò                                                                      | 0141                                                         |
| 25. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la                                                                 | 0142                                                         |
| 26. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch<br>Chi tiết: Mua bán nông lâm sản các loại              | 0163                                                         |
| 27. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                           | 1062                                                         |
| 28. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                         | 4322                                                         |
| 29. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                          | 4330                                                         |
| 30. | Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản            | 46204(Chính)                                                 |
| 31. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                           | 0164                                                         |
| 32. | Phá dỡ                                                                                  | 4311                                                         |
| 33. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                   | 4321                                                         |
| 34. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                          | 4329                                                         |
| 35. | Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng; Bán lẻ thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.600.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ ĐÌNH XUÂN   | Số 23 đường Nguyễn Trãi, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam    | 800.000.000           | 50,000    | 121132899                                                                                                                                         |         |
| 2   | PHẠM THỊ HIẾU  | Số 23 đường Nguyễn Trãi, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam    | 800.000.000           | 50,000    | 121132898                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ ĐÌNH XUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/12/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121132899

Ngày cấp: 21/03/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 23 đường Nguyễn Trãi, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 23 đường Nguyễn Trãi, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang